

Số: /YTĐL-KHNV-ĐD-KSNK

Đăk Glei, ngày 19 tháng 6 năm 2023

V/v đánh giá, xây dựng kế hoạch triển khai Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã đến năm 2030 (Tiêu chí 15.2)

Kính gửi: Các bộ phận trực thuộc Trung tâm Y tế huyện.

Thực hiện Công văn số 1772/SYT-NVYD của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc đánh giá, xây dựng kế hoạch triển khai Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã đến năm 2030 (Tiêu chí 15.2),

Trung tâm Y tế yêu cầu các bộ phận triển khai thực hiện một số nội dung, cụ thể như sau:

### **1. Phòng Kế hoạch - Nghiệp Vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn**

- Hướng dẫn, tổ chức rà soát, tự đánh giá kết quả đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (Tiêu chí 15.2) giai đoạn đến năm 2030 theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/SYT-NVYD ngày 05/5/2023 của Sở Y tế về việc hướng dẫn tổ chức, triển khai, đánh giá Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2030.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện kiện toàn Hội đồng xét công nhận xã đạt tiêu chí 15.2 (Hội đồng cấp huyện) và Tổ thư ký.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, đề xuất của TYT, đăng ký lộ trình phấn đấu đạt Tiêu chí 15.2 giai đoạn đến năm 2030 của địa phương trước ngày **15/7/2023** để xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Tiêu chí 15.2 trên địa bàn toàn huyện đến năm 2030.

- Kế hoạch phúc tra, đánh giá và công nhận Tiêu chí 15.2 năm 2023 (sau khi nhận được hồ sơ của Hội đồng cấp xã); trước ngày **10/7/2023** (dự kiến Tổ thư ký Hội đồng cấp huyện xét công nhận xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã phúc tra vào tháng **8/2023**).

- Hồ sơ đề nghị phúc tra công nhận đạt tiêu chí 15.2 gửi về Tổ thư ký của Hội đồng xét công nhận xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã tỉnh Kon Tum trước **15/8/2023** (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, file dữ liệu qua địa chỉ email [thunguyet.cdck1121@gmail.com](mailto:thunguyet.cdck1121@gmail.com); đồng thời gửi Sở Y tế, email [dinhnganhakt@gmail.com](mailto:dinhnganhakt@gmail.com) biết, theo dõi).

### **2. Phòng Khám đa khoa khu vực Đăk Môn và các trạm Y tế xã, thị trấn**

- Tham mưu Ban chỉ đạo CSSKND chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, Trạm Y tế làm đầu mối triển khai các hoạt động tổ chức rà soát, tự đánh giá kết quả đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã (Tiêu chí 15.2) giai đoạn đến năm 2030 theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/SYT-NVYD ngày 05/5/2023 của Sở Y tế.

- Hàng năm, xã đăng ký đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã gửi về Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei.

- Tổ chức đánh giá, thu thập đầy đủ các tài liệu, số liệu, lập hồ sơ để chứng minh cho việc đạt các tiêu chí (hạn chế in tài liệu - ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống báo cáo hiện hành). Sau khi TYT tự đánh giá đã đạt các tiêu chí theo quy định, báo cáo, tham mưu công văn Ủy ban nhân dân xã/thị trấn (UBND xã), kèm hồ sơ liên quan, gửi Trung tâm Y tế huyện đề nghị xét, công nhận xã đạt Bộ Tiêu chí. **Thời điểm chốt số liệu: 30/6/2023** (sau khi có kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng đợt 1/2023).

- Đối với xã có kế hoạch thẩm định công nhận năm 2023 (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*)

- Hồ sơ đề nghị phúc tra công nhận đạt tiêu chí 15.2 gửi về Tổ thư ký của Hội đồng xét công nhận xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã huyện Đắk Glei trước **03/7/2023** gửi về Trung tâm Y tế huyện (qua Phòng Kế hoạch - Nghiệp Vụ - Điều dưỡng - Kiểm soát nhiễm khuẩn, file dữ liệu qua [bshaytdl@gmail.com](mailto:bshaytdl@gmail.com) biết, theo dõi).

**3. Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe, Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS - Tư vấn và điều trị nghiện chất, Khoa An toàn thực phẩm - Y tế công cộng - Dinh dưỡng:** Theo chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn, hỗ trợ phòng Khám đa khoa khu vực Đắk Môn và các Trạm Y tế xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện, lồng ghép tổ chức giám sát, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật, kết hợp giám sát hỗ trợ các tiêu chí liên quan xây dựng nông thôn mới.

Trung tâm Y tế yêu cầu các bộ phận nghiêm túc triển khai./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng Y tế huyện;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT, KHNV-ĐD-KSNK.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Đình Thiết**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH CÁC XÃ ĐỀ XUẤT CÔNG NHẬN LẠI ĐẠT TIÊU CHÍ 15.2**  
**BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA Y TẾ XÃ NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số YTDL- KHNV-ĐD-KSNK ngày /6/2023 của Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei)

| TT | Địa phương            | Phân vùng |          |           | Kết quả đánh giá thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2020 theo Quyết định 4667/QĐ-BYT của Bộ Y tế |                               |                            |                                |            |            |            |            |            |            |            |            |            |             |
|----|-----------------------|-----------|----------|-----------|---|-------------------------------|----------------------------|--------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|-------------|
|    |                       | 1         | 2        | 3         | Năm công nhận đạt (lần đầu)   | Tổng điểm (lần đầu, gần nhất) | Năm công nhận còn hiệu lực | Đề xuất công nhận lại năm 2023 | Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | Tiêu chí 5 | Tiêu chí 6 | Tiêu chí 7 | Tiêu chí 8 | Tiêu chí 9 | Tiêu chí 10 |
|    | <b>Huyện Đắk Glei</b> | <b>1</b>  | <b>1</b> | <b>10</b> |   | <b>0</b>                      |                            | <b>2</b>                       |            |            |            |            |            |            |            |            |            |             |
| 1  | Thị trấn Đắk Glei     | x         |          |           | 2018  | 98                            | 2022                       |                                | 3          | 10         | 11         | 9          | 10         | 17         | 14         | 12         | 8          | 4           |
| 2  | Xã Ngọc Linh          |           |          | x         | 2019  | 84,5                          | 2019                       | *                              | 3          | 10         | 7,5        | 7          | 10         | 15         | 10,5       | 9          | 9          | 3,5         |
| 3  | Xã Mường Hoong        |           |          | x         | 2015  | 83,5                          | 2019                       | *                              | 3          | 10         | 7,5        | 7          | 10         | 15         | 10,5       | 9          | 8          | 3,5         |
| 4  | Xã Xốp                |           |          | x         | 2016  | 91,5                          | 2020                       |                                | 3          | 9          | 10         | 8,5        | 10         | 17         | 11         | 11         | 8          | 4           |
| 5  | Xã Đắk Choong         |           |          | x         | 2018  | 97                            | 2022                       |                                | 3          | 10         | 11         | 9          | 10         | 17         | 14         | 12         | 7          | 4           |
| 6  | Xã Đắk Blô            |           |          | x         | 2016  | 88                            | 2020                       |                                | 3          | 9          | 8,5        | 8          | 9          | 16         | 10,5       | 11         | 9          | 4           |
| 7  | Xã Đắk Man            |           |          | x         | 2017  | 95,5                          | 2022                       |                                | 3          | 9,5        | 9          | 8          | 10         | 16         | 14         | 13         | 9          | 4           |
| 8  | Xã Đắk Pek            |           | x        |           | 2017  | 97                            | 2022                       |                                | 3          | 10         | 10,5       | 9          | 8          | 17         | 13,5       | 13         | 9          | 4           |
| 9  | Xã Đắk Nhoong         |           |          | x         | 2016  | 86,5                          | 2020                       |                                | 3          | 10         | 8,5        | 7          | 9,5        | 16         | 10,5       | 12         | 6          | 4           |
| 10 | Xã Đắk Krong          |           |          | x         | 2014  | 97,5                          | 2022                       |                                | 3          | 10         | 11         | 8,5        | 10         | 17         | 14         | 13         | 7          | 4           |
| 11 | Xã Đắk Môn            |           |          | x         | 2017  | 93,5                          | 2022                       |                                | 3          | 10         | 11         | 8,5        | 7          | 17         | 13         | 13         | 7          | 4           |
| 12 | Xã Đắk Long           |           |          | x         | 2014  | 93,5                          | 2022                       |                                | 3          | 9,5        | 8,5        | 8,5        | 10         | 17         | 14         | 12         | 7          | 4           |

\*Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2019 gồm 32 xã, phường, thị trấn.

\*\* Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2017 (Đánh giá lại không đạt)